

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 02 - 2023

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp  
người nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thanh;

2. Bà Trần Thị Quý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Z, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương - Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Z, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương - Có đơn xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04 tháng 7 năm 2022 (Nộp tại Tòa án ngày 05/7/2022), qua các lần hòa giải tại Tòa án, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà T và bị đơn là ông Nguyễn Thành N tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương ngày 02/4/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng gia đình chồng tại Ấp Z, xã T, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương và sinh được 02 con

chung: Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/10/1999 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/5/2005. Từ khi kết hôn đến năm 2005 (thời điểm sinh cháu Nguyễn Trung H), tuy ông N không có việc làm ổn định nhưng vợ chồng biết thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và cùng quan tâm chăm sóc con cái. Từ năm 2005 đến nay, ông N thường xuyên uống rượu cùng bạn bè đến mức không kiểm soát được bản thân, ông N còn tham gia vào tệ nạn cờ bạc, quen với người phụ nữ khác không quan tâm đến gia đình, vợ con, bỏ mặc vợ con muốn sống ra sao thì sống. Bà T cố gắng thuyết phục ông N nhiều lần nhưng mỗi lần đều nhận sự bực tức, đánh vợ từ ông N. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục sống chung nên tháng 7/2022, bà T đưa cháu H về nhà mẹ đẻ tại ấp Z, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương sống ly thân ông N đồng thời nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Thành N. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/5/2005 và tự nguyện không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung vợ chồng, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, thay đổi nào khác.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2022, bị đơn là ông Nguyễn Thành N xác định quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà T đã khai tại Tòa án là đúng. Ông N thừa nhận, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ mấy năm gần đây, bà T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và đi làm công nhân để nuôi cháu H, còn cháu Đ đã trên 18 tuổi đi bộ đội và sống trong môi trường quân đội, ông N sống một mình tại nhà riêng của vợ chồng. Việc bà T xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Ông thống nhất khi ly hôn sẽ giao con chung là cháu Nguyễn Trung H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông N không cấp dưỡng nuôi con cho bà T. Tài sản chung, nợ chung ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 23/12/2022, ông N nộp đơn yêu cầu Tòa án không tổ chức hòa giải và xét xử vắng mặt ông.

Qua xác minh tại địa phương (Ấp Z, xã T, huyện B) nơi vợ chồng bà T, ông N thường xuyên sinh sống (Bút lục 39): xác định vợ chồng bà T, ông N sinh sống tại Ấp Z, xã T, huyện B. Trong cuộc sống vợ chồng ông N, bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nhưng không báo cáo đến chính quyền địa phương nên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Tòa án, Thẩm phán, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đối với vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án, bị đơn Nguyễn Thành N không đến Tòa án tham gia phiên họp, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đã có văn bản nêu rõ quan điểm của mình về vụ án, đồng thời ông N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thành N là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng Dân sự, Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì khác. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Thành N, giao con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/5/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Do tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Nguyễn Thành N, cư trú tại Ấp Z, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn là ông Nguyễn Thành N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó ông N đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Thành N, tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, quyển số 01, ngày 02/4/1999 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Cả bà T, ông N đều thừa nhận, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột và không có giải pháp hàn gắn để tiếp tục sống chung. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, người này bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông N cũng đã được chính quyền ấp Z, xã T, huyện B xác nhận. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài khi mục đích hôn nhân giữa vợ và chồng không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Bà T và ông N có 02 con chung: Đối với con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/10/1999, tính đến ngày bà T khởi kiện đã hơn 24 tuổi nên không đặt ra xem xét người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/5/2005, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu H chưa đủ 18 tuổi. Tại bản khai ngày 24/11/2022, cháu H trình bày nguyện vọng muốn trực tiếp do mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng khi cha mẹ ly hôn. Bà T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu H và được

ông N đồng ý. Để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của người chưa thành niên nên tiếp tục giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 59,, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Thành N;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

1.2. Về người trực tiếp nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 21/5/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Thành N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thành N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông N lợi dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở cho việc bà Nguyễn Thị Kim T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông N.

Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Trung H, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0010089 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;

- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Văn Thanh**